

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 156/NMĐSH1-TM

Hậu Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu
GT2025-SCĐK-07- Mua sắm VTTT phần Cơ
nhiệt Valve (Phần 1)

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm cho gói thầu GT2025-SCĐK-07- Mua sắm VTTT phần Cơ nhiệt Valve (Phần 1), NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm
- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO,CQ/các tài liệu liên quan khác.

2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp chào thời gian tốt nhất để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 14/02/2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: giangth@pvpqb.vn; hanhlx@pvpqb.vn; nhanhh@pvpqb.vn

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ nhà máy (để b/c);
- Phòng: KTATMT;
- Lưu VT, TM (N.H.N).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

Phụ lục: VẬT TƯ THAY THẾ PHẦN CƠ NHIỆT (VALVE PHẦN 1)
(Đính kèm Công văn số 156 / NMDSH1-TM ngày 24/01/2025)

STT	STT theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Oder information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng mua sắm sau rà soát	Đơn vị	Ghi chú
	1.2.3	Globe valve		Size: 3" Class: 1500	IMI CCI				
1	1.2.3.1	Bonnet		SA105		No: 2	1	PC	
2	1.2.3.2	SPINDLE		17-4PH		No: 5	1	PC	
3	1.2.3.3	Packing, Spacer		Carbon		No: 7	4	PC	
4	1.2.3.4	Gasket, flexitallic (BODY/BONNET)		GRAPHITE/300 SS		No: 8	4	PC	
5	1.2.3.5	Gasket, flexitallic (SEAT RING)		GRAPHITE/300 SS		No: 10	8	PC	
6	1.2.3.6	Disk Stack		410SS		No: 11	1	PC	
7	1.2.3.7	Packing, stem		Teflon		No:12	4	SET	
8	1.2.3.8	Balance Seal		Teflon		No: 13	4	PC	
	7.8.1	Globe valve		- Model: 840H - Type: Globe - DN: 200 - Class: 900	IMI CCI				
9	7.8.1.1	Balance seal		Material: Graphite		Part No: 08	2	PC	
10	7.8.1.2	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 09	4	PC	
11	7.8.1.3	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 10	2	PC	
12	7.8.1.4	Packing set		Material: Graphite		Part No: 13	2	Set	
	7.8.2	Globe valve		- Model: 840H - Type: Globe - DN: 200 - Class: 600	IMI CCI				
13	7.9.2.1	Balance seal		Material: 316 SS-Teflon		Part No: 08	2	PC	
14	7.9.2.2	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 09	4	PC	
15	7.9.2.3	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 10	2	PC	
16	7.9.2.4	Packing set		Material: Graphite		Part No: 13	2	Set	
	7.8.3	Globe valve		- Model: 840H - Type: Globe - DN: 250 - Class: 300 B49	IMI CCI				
17	7.8.3.1	Balance seal		Material: 316 SS-Teflon		Part No: 08	2	PC	
18	7.8.3.2	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 09	6	PC	
19	7.8.3.3	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 10	2	PC	
20	7.8.3.4	Packing set		Material: V-PTFE		Part No: 13	2	Set	
	7.8.4	Globe valve		- Model: 840G - Type: Globe - DN: 150 - Class: 150	IMI CCI				
21	7.8.4.1	Balance seal		Material: 316 SS + Teflon		Part No: 8	2	PC	
22	7.8.4.2	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 9	4	PC	
23	7.8.4.3	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 10	2	PC	
24	7.8.4.4	Packing set		Material: V-PTFE		Part No: 13	4	Set	
	7.8.5	Globe valve		- Model: 840H - Type: Globe - DN: 150 - Class: 150	IMI CCI				
25	7.8.5.1	Balance seal		Material: 316 SS + Teflon		Part No: 8	2	PC	
26	7.8.5.2	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 9	4	PC	
27	7.8.5.3	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 10	2	PC	
28	7.8.5.4	Packing set		Material: V-PTFE		Part No: 13	4	Set	
	7.8.6	Globe valve		- Model: 840H - Type: Globe - DN: 200 - Class: 150	IMI CCI				
29	7.8.6.1	Balance seal		Material: 316 SS-Teflon		Part No: 08	4	PC	
30	7.8.6.2	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 09	8	PC	
31	7.8.6.3	Gasket		Material: 304+Graphite		Part No: 10	4	PC	
32	7.8.6.4	Packing set		Material: V-PTFE		Part No: 13	8	Set	
	11.3	Van HP bypass PCV A/B		Model: VLB - 125BYC Type: VLB - 125BTC Design Pree./Temp. + Steam inlet: 267 Bara / 574oC + Steam outlet: 57.5 Bara / 486.8oC + Water line: 350 bara / 184oC Hydrotest pressure + Steam inlet: 713 barg + Steam outlet: 85 barg + Water line: 524 Barg	IMI CCI		4	set	
33	11.3.1	Stem packing		Material: Graphite		Pos.: 4		set	
34	11.3.2	Pressure seal		Material: Graphite		Pos.: 11		pc	

STT	STT theo thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Oder information (Part NO)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng mua sắm sau rà soát	Đơn vị	Ghi chú
35	11.3.3	Stem packing		Material: Graphite		Pos.: 26		set	
36	11.3.4	Gasket		Material: Steel/Graphite		Pos.: 28		pc	
	11.4	Van HP bypass TCV A/B		Model: 100DSV Press. Class: 2500 ASME Design press./Design temp: 349 barg/184oC	IMI CCI		4	set	
37	11.4.1	Packing, spacer		Material: Carbon		No.: 7		pc	
38	11.4.2	Gasket, flexitallic		Material: Graphite/300 SS		No.: 8		pc	
40	11.4.4	Gasket, flexitallic		Material: Graphite/300 SS		No.:10		pc	
41	11.4.5	Packing		Material: Teflon		No.: 12		set	
42	11.4.6	Seal, balance		Material: 316SS + Teflon		No.: 13		pc	
39	11.4.3	Seat ring		Material: 316 SS		No.: 9	4	pc	
	11.5	Van HP BYPASS TCV SHUT OFF A/B		Model: 840G Press. Class: 2500 ASME Design press./Design temp: 349 barg/184oC	IMI CCI		4	set	
43	11.5.1	Balance seal		Material: 316 SS+Teflon		No.: 8		pc	
44	11.5.2	Gasket		Material: 304+Graphite		No.: 9		pc	
45	11.5.3	Gasket		Material: 304+Graphite		No.: 10		pc	
46	11.5.4	Packing set		Material: V-PTEF		No.: 13		set	
	11.6	Van LP bypass PCV Shutoff A/B		Model: VS - 320BT Type: VS - 320BT Design Pree./Temp. + Steam inlet: 54.6 Bara / 599oC + Steam outlet: 54.6 Bara / 599oC Hydrotest pressure + Steam inlet: 192 barg + Steam outlet: 192 barg	IMI CCI		4	set	
47	11.6.1	Stem packing		Material: Graphite		Pos.: 4		set	
48	11.6.2	Pressure seal		Material: Graphite		Pos.: 11		pc	
49	11.6.3	Plug complete		Material: A-182 F91/C21 Coating		Pos.: 13	1	pc	
	11.7	Van LP Bypass PCV A/B		Model: VLB - 360BTC Design Pree./Temp. + Steam inlet: 54.6 Bara / 599oC + Steam outlet: 6 Bara / 580.4oC + Water line: 38 Bara / 154oC Hydrotest pressure + Steam inlet: 188 barg + Steam outlet: 8 barg + Water line: 56 barg	IMI CCI		4	set	
50	11.7.1	Stem packing		Material: Graphite		No.: 4		set	
51	11.7.2	Pressure seal		Material: Graphite		No.: 11		pc	
53	11.7.4	Stem packing		Material: Graphite		No.: 26		set	
54	11.7.5	Gasket		Material: Steel/Graphite		No.: 28		pc	
52	11.7.3	Plug complete		Material: A-182 F91		No.: 13	1	pc	
	11.8	Van LP BYPASS TCV A/B		Model: 840H Press. Class: 300 ASME Design press./Design temp: 39 barg/51oC	IMI CCI		4	set	
55	11.8.1	Balance seal		Material: 316 SS + Teflon		No.: 8		pc	
56	11.8.2	Gasket		Material: 304+Graphite		No.: 9		pc	
57	11.8.3	Gasket		Material: 304+Graphite		No.: 10		pc	
58	11.8.4	Packing set		Material: V-PTEF		No.: 13		set	

Yêu cầu khác:

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chất lượng hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2023 trở lại đây;
 - + Nhà cung cấp có thể chào hàng hóa đúng loại của NSX hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu thuộc các nước EU/G7 hoặc OECD, nhưng
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ CO, CQ (bản gốc hoặc bản photo công chứng) do cơ quan có thẩm quyền cấp/tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Cam kết bảo hành của bên bán: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.
 - + Tài liệu của nhà sản xuất hàng hóa.